

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN THÀNH
TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 23-8-2018

V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THÀNH, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Bảo Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Hiền
2. Bà Nguyễn Thị Kim Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thành tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 223/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2018, về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thùy G, sinh năm 1984; cư trú tại: số x, đường y, phường z, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (có mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1980; cư trú tại: Tổ x1, ấp y1, xã z1, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Bà G và ông L đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã z1, huyện T, (nay là xã z1, thị xã P) tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu vào ngày 04/07/2016. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, được sự đồng ý của hai bên gia đình. Sau khi kết hôn ông bà chung sống tại xã LP, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Ông bà chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn do ông bà tìm hiểu nhau trong thời gian ngắn nên khi sống chung thì vợ chồng bất đồng quan điểm sống trên nhiều vấn đề, đặc biệt mâu thuẫn về

kinh tế trong gia đình. Ngày 30/5/2017, ông L và bà phát sinh mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc nên ông L bỏ về nhà tại xã z1 sinh sống, từ đó ông bà sống ly thân cho đến nay. Khi ly thân, ông L không qua lại chăm sóc hay quan tâm đến bà và con. Tháng 01/2018, bà và ông L nộp đơn yêu cầu xin ly hôn nhưng do ông L không đồng ý nên ông bà rút đơn và Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu đình chỉ giải quyết vụ việc. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà xin ly hôn với ông Nguyễn Văn L.

Về con chung: Bà và ông L có một con chung là Nguyễn Hoài A, sinh ngày 03/7/2017. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi cháu An và yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng. Lý do bà xin nuôi con vì cháu Giang chưa đủ 36 tháng tuổi, còn nhỏ nên cần chăm sóc của mẹ; bên cạnh đó bà là người trực tiếp chăm sóc con từ khi sinh đến nay trong khi ông L không quan tâm gì đến con. Bà hiện có nơi ở, công việc ổn định, thu nhập mỗi tháng 6.500.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa bị đơn trình bày:

Về điều kiện kết hôn, thời gian chung sống, con chung Bà G đã trình bày đúng sự thật nên phía bị đơn không bổ sung gì thêm.

Về mâu thuẫn: Sau khi kết hôn ông bà sống tại xã z1 được ba ngày thì chuyển về xã LP, thành phố B sống. Bà G cho rằng ông bỏ đi khi con được 6 tháng tuổi là không đúng vì thời gian ông bỏ đi cách ngày Bà G sinh khoảng 10 ngày. Sau khi Bà G sinh có mẹ và dì ông xuống thăm nom và cho tiền. Từ khi sinh con, Bà G không đưa con về thăm gia đình bên nội. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông đồng ý ly hôn với Bà G.

Về con chung: Khi ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi con Nguyễn Hoài A, sinh ngày 03/7/2017, không yêu cầu Bà G cấp dưỡng nuôi con. Lý do ông xin trực tiếp nuôi con do Bà G bị sốt bại liệt từ nhỏ nên dẫn tới sức khỏe yếu không đủ khả năng chăm sóc con chung. Ông hiện làm công nhân cơ khí tại Công ty TNHH HP tại thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, mức lương khoảng 10.000.000 đồng/tháng, ngoài ra ông còn có thêm thu nhập khác từ việc làm thêm bên ngoài. Ông có nhà riêng và đủ sức khỏe để chăm sóc cháu An.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thành phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ và kiểm sát tại phiên tòa đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Về hôn nhân bà Nguyễn Thùy G được ly hôn với ông Nguyễn Văn L, Về con chung: Giao 01 con chung, cháu Nguyễn

Hoài A, sinh ngày 03/7/2017, cho Bà G trực tiếp nuôi dưỡng, ông L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật:* Bị đơn đang cư trú tại huyện Tân Thành (nay là thị xã Phú Mỹ), tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu và tranh chấp giữa bà Nguyễn Thùy G và ông Nguyễn Văn L là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

[2] *Về điều kiện và quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thùy G và ông Nguyễn Văn L tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã z1, huyện Tân Thành, (nay là thị xã Phú Mỹ) tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 82 ngày 04-7-2016 nên hôn nhân giữa ông bà là hôn nhân hợp pháp theo quy định Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] *Xét yêu cầu của nguyên đơn:*

Về quan hệ hôn nhân: Quá trình làm việc tại Tòa án, Bà G và ông L đều thừa nhận mâu thuẫn bắt nguồn từ việc ông bà không tìm hiểu nhau kỹ trước lúc kết hôn nên khi về chung sống vợ chồng bất đồng nhiều mặt trong cuộc sống, đặc biệt trong vấn đề kinh tế. Cho đến phiên tòa hôm nay ông L và Bà G đã sống ly thân, không quan tâm, yêu thương, chia sẻ với nhau.

Xét thấy mâu thuẫn giữa ông L và Bà G là có thật, đồng thời cả hai đã có thời gian ly thân từ tháng 4 năm 2017 cho đến nay, hiện nay tình trạng hôn nhân giữa ông L và Bà G đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa, ông L cũng đồng ý ly hôn nên Hội đồng xét xử đồng ý cho Bà G được ly hôn với ông L là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

Về con chung:

Xét điều kiện nuôi con của Bà G: Theo chứng cứ là Hợp đồng lao động số 01-HĐLĐ-NTNH/2018 ngày 27/12/2017 và Xác nhận hoàn cảnh, kinh tế ngày 19/7/2018 thì Bà G đang làm việc tại nhà hàng Quán ăn sân vườn Ngọc Hân, tại Số 9, ấp Phước Hữu, xã LP, thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, mức lương 6.500.000 đồng/tháng. Hiện bà có nhà ở tại thành phố Vũng Tàu.

Xét điều kiện nuôi con của ông L: Theo chứng cứ là Đơn xin xác nhận lập ngày 07/7/2018 do ông L cung cấp thì ông L đang làm công nhân cơ khí cho Công ty TNHH HP tại thành phố B với mức lương 10.000.000 đồng/tháng. Hiện ông có nhà đất tại xã z1, thị xã Phú Mỹ.

Như vậy Hội đồng xét xử nhận thấy cả Bà G và ông L đều có đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung.

Xét nguyện vọng nuôi con của Bà G và ông L, thì thấy: Ông L cho rằng Bà G bị sốt bại liệt từ nhỏ nên không đủ sức khỏe chăm sóc con, không có thu nhập ổn

định, không có nhà cửa. Tuy nhiên Hội đồng xét xử nhận thấy tuy Bà G có di chứng của bệnh sốt bại liệt nhưng không ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe, thể hiện qua việc từ ngày vợ chồng ly thân, thì Bà G là người trực tiếp chăm sóc con chung, Bà G vẫn sinh hoạt và làm việc bình thường; cháu An được Bà G chăm sóc đảm bảo điều kiện, sinh hoạt; bên cạnh đó Bà G có công việc cũng như nơi ở ổn định. Đồng thời theo khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình, quy định “*Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con.*”, như vậy tính đến ngày xét xử, cháu An mới 13 tháng 20 ngày tuổi nên cần có sự chăm sóc, nuôi dưỡng trực tiếp của người mẹ. Do đó cần giao cháu An cho Bà G trực tiếp nuôi dưỡng là đúng quy định pháp luật.

Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử nhận thấy, hiện nay cả Bà G, ông L đều có công việc ổn định, trong đó ông L có thu nhập 10.000.000 đồng (mười triệu đồng)/tháng. Căn cứ Điều 82 Luật hôn nhân gia đình quy định “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”, do đó ông L phải có nghĩa vụ đóng góp tiền nuôi dưỡng cháu An. Căn cứ vào thu nhập, khả năng của ông L, Bà G, nhu cầu thiết yếu của cháu An, nhận thấy việc Bà G yêu cầu ông L cấp dưỡng với số tiền 2.000.000 đồng/tháng là phù hợp.

Từ những lý lẽ trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thùy G về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con”.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà G và ông L không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

[4] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bà Nguyễn Thùy G phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật. Ông Nguyễn Văn L phải nộp án phí cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, Điều 58, 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thùy G.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho bà Nguyễn Thùy G được ly hôn với ông Nguyễn Văn L.

2. *Về con chung:* Bà Nguyễn Thùy G và ông Nguyễn Văn L có một con chung, Nguyễn Hoài A, sinh ngày 03/7/2017.

Sau ly hôn giao cháu Nguyễn Hoài A, sinh ngày 03/7/2017 cho bà Nguyễn Thùy G trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), ông Nguyễn Văn L

cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000 đồng/tháng (hai triệu đồng) cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời điểm bắt đầu cấp dưỡng tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không trả số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả thêm cho người được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Ông Nguyễn Văn L được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích mọi mặt của các con, khi cần thiết có thể thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con, người trực tiếp nuôi con hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Bà G và ông L không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Thùy G phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002659 ngày 28-5-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Ông Nguyễn Văn L phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

“Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 (7a, 7b) và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án”.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 23/8/2018) nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- VKSND H.Tân Thành;
- THADS thị xã Phú Mỹ;
- UBND xã z1, thị xã Phú Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Bảo Ngọc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ' THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA